

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành phương án ứng phó với thiên tai năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;

Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này phương án ứng phó với thiên tai năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

(Có Phương án kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Cơ quan tham mưu về phòng, chống thiên tai*) tổ chức hướng dẫn, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo PTDS Quốc gia;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: V1, TTTHCB;
- Lưu: VT, KT1.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trọng Hải

**PHƯƠNG ÁN
Ứng phó với thiên tai năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

PHẦN I

ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ DÂN SINH - KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Vị trí địa lý

- Tỉnh Lai Châu có tọa độ địa lý nằm trong khoảng từ 21°41' đến 22°49' vĩ độ Bắc và từ 102°19' đến 103°59' kinh độ Đông, thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc; phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam, Trung Quốc; phía Nam giáp tỉnh Sơn La; phía Đông và phía Đông Nam giáp tỉnh Lào Cai; phía Tây và phía Tây Nam giáp tỉnh Điện Biên.

- Toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Lai Châu, quy mô 9.068,73 km² gồm 38 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 36 xã và 02 phường, trong đó có 02 xã không thực hiện sắp xếp là xã Mù Cả, xã Tà Tổng. (Theo Nghị quyết 1670/NQ-UBTVQH15 ban hành ngày 16/06/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lai Châu năm 2025).

2. Điều kiện tự nhiên

- Tỉnh Lai Châu nằm bên sườn tây của dãy núi Hoàng Liên Sơn, nằm trọn trong lưu vực đầu nguồn sông Đà, gần 90% diện tích là đồi núi, độ cao thay đổi từ 200 m đến hơn 3.000 m. Địa hình được tạo bởi những dãy núi chạy dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, nhiều đỉnh núi cao từ 2.000 m đến trên 3.000 m so với mặt nước biển.

- Do địa hình chia cắt mạnh, có độ dốc lớn, nhiều sông suối, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai như băng giá, rét đậm, rét hại trong khoảng từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau; mùa mưa, mưa nhiều, tập trung vào những tháng cao điểm (tháng 6, 7, 8), gây lũ quét, sạt lở đất, sụt lún ở nhiều nơi, làm thiệt hại về người, tài sản, cản trở và ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của Nhân dân.

3. Điều kiện về dân cư

- Dân số của tỉnh Lai Châu ước đạt khoảng 501.231 người. Kể từ năm 2021 đến nay, dân số của tỉnh có xu hướng tăng nhẹ. Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2021-2025 là 1,3%. Tỉnh Lai Châu có quy mô dân số thuộc nhóm các tỉnh thấp nhất cả nước. Dân số của tỉnh chủ yếu là dân số nông thôn, chiếm khoảng 88,09% dân số toàn tỉnh. Lai Châu là tỉnh miền núi, số lượng đô thị ít nên phần lớn người dân sinh sống ở các khu vực nông thôn, bản làng, vùng sâu, vùng xa và vùng biên giới. Mật độ dân số 54,6 người/km², dân số phân bố không đồng đều, nơi đông dân cư tập trung chủ yếu ở khu vực trung tâm (trung tâm phường, xã), khu vực vùng cao, vùng xa, biên giới dân cư sinh sống rải rác.

- Tỉnh có đa dạng các nhóm dân tộc với khoảng hơn 20 dân tộc cùng chung sống (chiếm khoảng 84,14% dân số tỉnh). Các dân tộc như Thái, Mông, Dao, Hà Nhì, Khơ Mú... chiếm tỷ lệ rất lớn trong cơ cấu dân số, trong khi dân tộc Kinh chỉ chiếm một phần nhỏ (khoảng trên 15% dân số của tỉnh).

4. Về cơ sở hạ tầng

- Giao thông: Toàn tỉnh có 7.404,75 km đường giao thông, trong đó 06 tuyến quốc lộ với chiều dài 495 km, 20 tuyến đường tỉnh với chiều dài 1.110,56 km, đường đô thị 220,19 km, đường tuần tra biên giới 261 km, đường giao thông nông thôn 5.317,56 km. Hệ thống giao thông đường thủy dài 303,96 km.

- Thủy lợi, nước sinh hoạt nông thôn: Tính đến hết năm 2025 toàn tỉnh có 1.019 công trình trong đó có: 06 hồ chứa, 1.013 công trình tưới tự chảy. Trong đó, công trình kiên cố là 957 công trình; Công trình tạm là 62 công trình; Tổng chiều dài kênh mương là: 2.390 km trong đó có 1.939 km kiên cố 449 km kênh tạm; Toàn tỉnh 815 công trình cấp nước nông thôn đang hoạt động (*trong đó 774 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, 41 công trình cấp nước sạch nông thôn*) cấp nước cho 73.466 hộ dân với 350.459 nhân khẩu.

- Y tế: Có 08 bệnh viện đa khoa (*gồm Bệnh viện Đa khoa Than Uyên; Bệnh viện Đa khoa Tân Uyên; Bệnh viện Đa khoa Tam Đường; Bệnh viện Đa khoa Pa Há; Bệnh viện Đa khoa Phong Thổ; Bệnh viện Đa khoa Sìn Hồ; Bệnh viện Đa khoa Mường Tè; Bệnh viện Đa khoa Nậm Nhùn*); 38 Trạm y tế xã, phường và 68 điểm trạm y tế trên địa bàn toàn tỉnh do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý; các cơ sở y tế ngoài công lập gồm có: 02 phòng khám đa khoa; 102 phòng khám chuyên khoa, cơ sở dịch vụ y tế khác và 14 cơ sở tiêm chủng dịch vụ. Ngoài ra, còn hệ thống y tế thôn, bản, bảo đảm cho người dân thuận lợi tiếp cận dịch vụ y tế ngay tại địa phương.

- Giáo dục: Toàn tỉnh có 7.279 phòng học kiên cố, bán kiên cố, đạt 99%.

II. CÁC LOẠI HÌNH THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN

Tỉnh Lai Châu chịu ảnh hưởng của các loại hình thiên tai sau: dông lốc, sét, mưa lớn, mưa đá, nắng nóng, rét hại, sương muối, sương mù, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất, động đất.

1. Mưa đá và dông lốc, sét

1.1. Hiện tượng: Lốc, sét, mưa đá diễn ra vào các tháng đầu mùa mưa, tháng 3, 4, 5 với mức độ mạnh, xảy ra trên phạm vi rộng, trong đó:

- Lốc: bình quân 1,3-1,5 ngày/năm.

- Mưa đá: bình quân 1,3-1,5 ngày/năm (thường kèm theo gió mạnh, lốc sét).

1.2. Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó chịu ảnh hưởng rất lớn tại các xã Thu Lũm, Pa Ủ, Tà Tổng; xã Nậm Manh, Hua Bum, xã Nậm Tăm, Nậm Mạ,...

1.3. Đối tượng bị tác động: Người dân, nhà ở, chuồng trại, cây trồng, vật nuôi, các công trình hạ tầng trong khu vực.

1.4. Dự báo mức độ ảnh hưởng: Đây là loại hình thiên tai có thể gây chết người, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi; tốc mái, đổ nhà cửa, cây, cột điện, đường dây điện, viễn thông...

2. Mưa lớn kèm theo lũ quét, sạt lở đất

2.1. Hiện tượng:

- Mưa lớn, dài ngày có thể gây lũ ống, lũ quét, trượt sạt lở đất, ngập lụt. Đây là loại hình thiên tai gây thiệt hại lớn nhất.

- Lũ thường xuất hiện sau khi có mưa lớn hoặc mưa kéo dài nhiều ngày tập trung từ tháng 6 đến tháng 9 với tính chất phức tạp, khó lường. Hiện tượng đất, đá sạt lở do ảnh hưởng từ các đợt mưa kéo dài làm lượng nước trong đất đến mức bão hòa, đặc biệt là tại khu vực đồi, núi có độ dốc lớn hơn 25°, đất yếu, đất bờ rời thường xuyên xảy ra hiện tượng này.

- Số đợt mưa lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh trung bình từ 7 - 9 đợt/năm; lượng mưa >100 mm/đợt. Số đợt xuất hiện lũ quét xảy ra trên địa bàn tỉnh trung bình từ: 04÷08 đợt/sông suối/năm; lượng mưa >100 mm/đợt hoặc mưa cục bộ tạo dòng chảy lớn.

2.2. Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó thường xuyên chịu ảnh hưởng rất lớn tại các xã: Mường Kim, Nậm Sỏ, Đào San, Sỉ Lở Lầu, Lê Lợi, Sín Suối Hồ, Nậm Hàng, Bum Tở, Mù Cả, Thu Lũm, xã Mường Tè.

2.3. Đối tượng bị tác động: Người dân, nhà ở, chuồng trại, cây trồng, vật nuôi, các công trình hạ tầng trong khu vực.

2.4. Dự báo mức độ ảnh hưởng: Mưa lớn, dài ngày có thể gây lũ ống, lũ quét, trượt, sạt lở đất, ngập lụt có nguy cơ thiệt hại đến tính mạng của nhân dân, hư hỏng nhà ở, kho bãi, chuồng trại, hoa màu, làm ách tắc giao thông, phá hủy các công trình hạ tầng trong khu vực.

3. Rét đậm, rét hại, sương muối

3.1. Hiện tượng: Rét đậm, rét hại, sương muối trên địa bàn tỉnh thường xảy ra vào các tháng chính đông (tháng 11 năm trước đến tháng 02 năm sau) với nhiệt độ thấp có thể xuống 0-2°C.

3.2 Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, trong đó ảnh hưởng rất lớn tại các xã vùng cao, gió mạnh: Sỉ Lở Lầu, Đào San, Tà Tổng, Thu Lũm, Sín Hồ, Tủa Sín Chải, Hồng Thu.

3.3. Đối tượng bị tác động: Người dân, cây trồng, vật nuôi.

3.4. Dự báo mức độ ảnh hưởng: Đây là loại hình thiên tai có thể gây chết người, thiệt hại về cây trồng, vật nuôi.

4. Nắng nóng

4.1. Hiện tượng: Nắng nóng trên địa bàn tỉnh thường xuyên xảy ra vào cuối tháng 4 đến tháng 7 với nền nhiệt độ trong ngày từ 35°C ÷ 39°C. Tổng số ngày nắng nóng trong năm tại các xã Mường Tè, Bum Tở tới 37,8 ngày/năm, còn các xã khác số ngày nắng nóng 7 đến 8 ngày/năm.

4.2. Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, tập trung tại các khu vực vùng thấp như các xã: Mường Mô, Nậm Hàng, Mường Tè, Bum Tở, Khổng Lào.

4.3. Đối tượng bị tác động: Người dân, cây trồng, vật nuôi.

4.4. Dự báo mức độ ảnh hưởng: Ảnh hưởng đến đời sống người dân, thiệt hại về cây trồng, nhất là những cây còn non. Nắng nóng dài ngày, lượng mưa thấp có thể gây hạn hán, thiếu nước, cháy rừng.

5. Hạn hán, cháy rừng do tự nhiên

5.1. Hiện tượng: Tình trạng khô hạn xảy ra trên địa bàn tỉnh Lai Châu chủ yếu vào tháng 12 đến tháng 3 năm sau, độ ẩm đặc biệt thấp vào khoảng tháng 2.

Theo thông tin tại các trạm khí tượng trên địa bàn tỉnh Lai Châu, tỷ lệ bốc hơi nước so với lượng mưa thấp, không khí được đánh giá là khá ẩm nên hiện tượng cháy rừng do tự nhiên ít khi xảy ra. Phần lớn các vụ cháy rừng xảy ra trên địa bàn do tình trạng đốt nương làm rẫy hoặc sự bất cẩn của người dân sống gần rừng.

5.2. Phạm vi ảnh hưởng: Trên địa bàn toàn tỉnh, ảnh hưởng lớn tại các xã: Không Lào, Pa Tần, Nậm Cuối, Mường Tè, Mường Mô.

5.3. Đối tượng bị tác động: Người dân, cây trồng, vật nuôi, các đơn vị quản lý rừng.

5.4. Dự báo mức độ ảnh hưởng: Ảnh hưởng đến đời sống người dân do thiếu nước sinh hoạt và sản xuất, thiệt hại về cây trồng, cháy rừng.

6. Động đất

6.1. Hiện tượng: Có sự rung động trên mặt đất, gây ra rung lắc, biến dạng, hư hỏng nhà ở, vật dụng, công trình, gây sạt lở đất đá.

6.2. Phạm vi ảnh hưởng: Có thể xảy ra trên địa bàn toàn tỉnh. Trong đó các xã Mường Tè, xã Lê Lợi, xã Hồng Thu, xã Sìn Hồ, xã Nậm Tăm đã từng xảy ra động đất với cường độ thấp, từ 2,8-5,3 độ Richter.

6.3. Đối tượng bị tác động: Người dân, nhà ở, công trình.

6.4. Dự báo mức độ ảnh hưởng: Có thể gây hư hỏng, sập nhà, công trình, nguy hiểm đến tính mạng, tài sản của Nhân dân.

PHẦN II

XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Dự phòng các điểm có nguy cơ xảy ra thiên tai, xác định cụ thể phương án ứng phó đối với các tình huống có thể xảy ra để có biện pháp ứng phó phù hợp, đảm bảo phân phối các nhân lực, máy móc, trang thiết bị để chỉ huy ứng phó tại các điểm xảy ra thiên tai hợp lý, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Nâng cao hiệu quả trong lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, xử lý tình huống, sự cố, sự phối hợp đồng bộ ở các cấp, ngành để chủ động trong phòng tránh, ứng phó hiệu quả khi xảy ra thiên tai..

2. Yêu cầu

- Huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, huy động toàn dân, toàn xã hội tham gia công tác phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Huy động mọi nguồn lực để phòng chống, ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai. Vận động mọi tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hộ gia đình chủ động phòng chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, hạn chế phụ thuộc vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Người dân theo dõi chặt chẽ diễn biến của thiên tai, nghiêm chỉnh chấp hành các mệnh lệnh, hướng dẫn, cảnh báo của chính quyền địa phương các cấp; các cơ quan chức năng. Chủ động nâng cao nhận thức của cộng đồng trong công tác quản lý rủi ro thiên tai, nhất là ứng phó kịp thời với những hình thái thiên tai có cấp độ mạnh và siêu mạnh, bất thường, cực đoan.

II. NGUYÊN TẮC, PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI CẤP TỈNH

1. Nguyên tắc

- Việc lập Phương án theo nguyên tắc xây dựng từ dưới lên (từ cấp xã, sở, ban, ngành tỉnh, cấp tỉnh).

- Khi có tình huống thiên tai xảy ra, Ủy ban nhân dân cấp xã huy động các lực lượng, vật tư, trang thiết bị để thực hiện ứng phó với thiên tai, trường hợp thiên tai lớn, phức tạp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ ứng phó với thiên tai.

- Phương án ứng phó thiên tai phải thực hiện theo phương châm “04 tại chỗ” đáp ứng mục tiêu “ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả”.

2. Phương pháp xây dựng phương án ứng phó với thiên tai cấp tỉnh, bao gồm:

- Xác định thời điểm ứng phó.
- Xác định đối tượng/phạm vi ảnh hưởng.
- Các phương án, giải pháp ứng phó tương ứng.
- Một số điểm lưu ý trong phương án.

III. NỘI DUNG, PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ

1. Đối với ngập lụt do mưa lớn, mưa đá, dông, lốc, sét, nắng nóng, rét đậm, rét hại, sương muối, hạn hán, cháy rừng do tự nhiên

Trên địa bàn tỉnh thường xuyên xảy ra các loại hình thiên tai như: ngập lụt, mưa đá, dông, lốc, sét, nắng nóng, rét đậm, rét hại, sương muối, hạn hán. Tuy nhiên do mức độ ảnh hưởng, thiệt hại của các loại hình thiên tai này cơ bản nằm trong tầm kiểm soát của Ủy ban nhân dân cấp xã. Trừ những trường hợp xảy ra đột biến, tính ảnh hưởng lớn, phạm vi rộng, khả năng ứng phó của cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu, cần sự hỗ trợ của cấp tỉnh.

Phương án ứng phó như sau: Khi có tình huống thiên tai xảy ra, Ủy ban nhân dân cấp xã huy động các lực lượng, vật tư, trang thiết bị, thực hiện theo phương án ứng phó với thiên tai năm 2026 đã được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt; trường hợp thiên tai lớn, phức tạp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ.

2. Lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lớn

2.1. Đối với thiên tai cấp độ 1

Khi có tình huống thiên tai xảy ra, Ủy ban nhân dân cấp xã huy động các lực lượng, vật tư, trang thiết bị, thực hiện theo phương án ứng phó với thiên tai năm 2026 do Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt. Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn cấp xã phải phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người được ủy quyền. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ.

2.2. Đối với thiên tai cấp độ 2 trở lên

2.2.1. Căn cứ vào diễn biến thiên tai, Trưởng ban/Phó Trưởng ban thường trực Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chỉ đạo các địa phương, lực lượng vũ trang và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện:

a) Cấp tỉnh:

+ Triển khai thực hiện các chỉ đạo của Trung ương; thực hiện theo các nội dung công điện của BCD;

+ Quyết định hỗ trợ người dân vùng bị ảnh hưởng;

+ Chỉ đạo công tác sơ tán dân hoặc hỗ trợ dân di dời đến nơi ở mới;

+ Lực lượng Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng, Công an tỉnh thực hiện việc ứng phó, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn.

b) Cấp xã:

+ Tổ chức tìm kiếm cứu nạn; khắc phục nhanh sạt lở

- + Tại các nơi sơ tán, đảm bảo lương thực, nhu yếu phẩm;
- + Công tác đảm bảo an toàn nhà cửa, công trình cơ sở hạ tầng khu vực bị ảnh hưởng;
- + Hỗ trợ khôi phục nhà cửa bị thiệt hại.

2.2.2. Phương án ứng phó cụ thể

a) Các xã, phường

- Tổ chức ứng phó khi thiên tai xảy ra:

+ Nếu có thiệt hại về người, huy động lực lượng, phương tiện để cứu chữa kịp thời những người bị thương; người bị thương nặng phải được chuyển nhanh lên tuyến trên để cứu chữa; khẩn trương tìm kiếm những người còn mất tích;

+ Sơ tán, di chuyển ngay người dân đến nơi an toàn; huy động các lực lượng, phương tiện, trang thiết bị tham gia hút sục sạt, thông tuyến giao thông; tổ chức tìm kiếm người bị nạn, lập các trạm y tế lưu động; dựng lều bạt, chuẩn bị các nhu yếu phẩm cho người dân tạm thời ổn định cuộc sống; thu dọn, di chuyển tài sản của người dân đến nơi an toàn; đảm bảo an ninh trật tự khu vực xảy ra thiên tai.

+ Huy động xe, máy móc để hút sục sạt, căng dây, cắm biển cảnh báo, đảm bảo giao thông. Những đoạn xung yếu có nguy cơ tiếp tục sạt lở cần đào cắt giảm mái taluy, giảm tải, khơi thông rãnh thoát nước, lấp đặt rọ đá, cắm cọc gỗ, bê tông để gia cố tạm thời ổn định đời sống của nhân dân.

- + Triển khai lực lượng đảm bảo an ninh trật tự khu vực bị thiệt hại.

- Tổ chức khắc phục hậu quả:

+ Hệ thống thông tin liên lạc phải được ưu tiên hàng đầu để chính quyền ở cấp cơ sở báo cáo được tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn và những yêu cầu cần được cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ khẩn cấp;

+ Hệ thống giao thông, cầu cống và đường dân sinh đảm bảo cho công tác cứu hộ, cứu nạn, công tác cứu trợ khẩn cấp có thể tiếp cận sớm nhất với đồng bào vùng bị thiên tai;

+ Dọn dẹp vệ sinh môi trường, đặc biệt là môi trường để phòng tránh dịch bệnh phát sinh. Khi phát hiện có dấu hiệu của dịch bệnh phải tập trung lực lượng, phương tiện khoanh vùng, bao vây, dập tắt dịch trong thời gian ngắn nhất, hạn chế lây lan ra cộng đồng;

(Chi tiết phương án huy động lực lượng, phương tiện, vật tư tại Phụ lục 01)

- Trường hợp lực lượng của xã, phường không đủ để ứng cứu, Trưởng ban/Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh chỉ đạo các lực lượng, đơn vị huy động thêm gồm: Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, nhân viên y tế đến hỗ trợ cho xã. Căn cứ tình hình thực tế, các lực lượng phối hợp với chính quyền địa phương chia thành các tổ, nhóm, đội tham gia ứng phó, tìm kiếm cứu nạn.

b) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

- Ứng phó khi thiên tai xảy ra: chỉ đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị sẵn sàng phương tiện, trang thiết bị, vật tư chuyên dùng để ứng phó sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị phục vụ công tác tìm kiếm cứu nạn. Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện ứng phó với sự cố, thiên tai theo quy định tại Luật Phòng thủ dân sự.

- Lực lượng huy động:

+ Lực lượng tại chỗ gồm 7.108 đồng chí (trong đó: Bộ đội thường trực có 168 đồng chí; Dân quân cơ động có 3.192 đồng chí; Dân quân tại chỗ có 2.868 đồng chí; Dự bị động viên có 880 đồng chí).

+ Lực lượng cơ động: 350 đồng chí.

+ Lực lượng dự bị: 100 đồng chí.

- Phương tiện, trang bị:

+ Phương tiện: Xe ô tô các loại: 24 chiếc, máy xúc bánh lốp: 01 chiếc, xuồng các loại: 07 chiếc, bộ vượt sông nhẹ: 02 bộ.

+ Trang bị: Máy phát điện: 03 chiếc, máy bơm: 03 chiếc, nhà bạt: 100 bộ, áo phao 380 chiếc, phao tròn: 380 chiếc...

c) Công an tỉnh

- Ứng phó khi có tình huống thiên tai xảy ra: Tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh phương án huy động lực lượng Công an, lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở; chỉ đạo các đơn vị cơ động lực lượng, phương tiện phối hợp với các lực lượng có liên quan triển khai các biện pháp ứng phó theo yêu cầu.

- Lực lượng huy động: 2.000 đồng chí, gồm 500 đ/c lực lượng Công an tỉnh, 1.500 đồng chí Công an xã, phường và lực lượng bảo đảm ANTT ở cơ sở.

- Phương tiện, trang bị:

+ Phương tiện: Xe các loại: 70 (bao gồm xe cứu hộ, xe cứu thương, xe chữa cháy, xe thang và các loại xe khác), xuống máy các loại: 17 chiếc, ca nô các loại: 07 chiếc.

+ Trang bị: Nhà bạt các loại: 40 bộ, bộ đàm: 150 chiếc, áo phao các loại: 300, phao tròn các loại: 200 chiếc.

d) Sở Xây dựng

- Địa điểm có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất: Xảy ra tại các điểm xã Mù Cỏ; xã Mường Tè; xã Hua Bum; xã Tả Lèng; xã Bình Lư; xã Than Uyên; xã Khoen On; xã Lê Lợi; xã Bum Tở; xã Mường Mô; xã Nậm Hàng; xã Tủa Sín Chải; xã Hồng Thu; xã Sin Suối Hồ; xã Phong Thổ; xã Khổng Lào; xã Đào San; xã Sì Lở Lầu; xã Tân Uyên; xã Nậm Cuối; xã Pắc Ta; xã Nậm Sỏ; xã Mường Kim; xã Nậm Mạ; xã Pu Sam Cáp; xã Tà Tổng; xã Mường Tè; xã Thu Lũm; xã Pa Tần; trên các tuyến: QL.4H, QL.12, QL.4D, QL.32, QL.279, QL.279D; ĐT.126, ĐT.127, ĐT.128, ĐT.129, ĐT.130, ĐT.132, ĐT.133, ĐT.134, ĐT.137, ĐT.138B, ĐT.138C, ĐT.138. Tổng cộng: khối lượng đất, đá sạt lở khoảng 830.000m³ - 850.000m³.

Trong đó:

+ Quốc lộ: Tại các điểm xã Mù Cỏ; xã Mường Tè; xã Hua Bum; xã Pa Tần; xã Phong Thổ; xã Hồng Thu; xã Sin Hồ; xã Lê Lợi; xã Tả Lèng; xã Bình Lư; xã Than Uyên; xã Mường Kim; xã Khoen On. Trong đó: tuyến QL.4H sạt lở 75.000m³; tuyến QL.12 sạt lở 3.500m³; tuyến QL.4D sạt lở 33.000m³; tuyến QL.32 sạt lở 1.200m³; tuyến QL.279D sạt lở 1.500m³; tuyến QL.279 sạt lở 1.500m³.

+ Đường địa phương: Tại các điểm: xã Lê Lợi; xã Nậm Hàng; xã Mường Mô; xã Bum Tở; xã Tủa Sín Chải; xã Hồng Thu; xã Sin Suối Hồ; xã Phong Thổ; xã Khổng Lào; xã Đào San; xã Sì Lở Lầu; xã Tân Uyên; xã Nậm Sỏ; xã Nậm Cuối; xã Pắc Ta; xã Mường Kim; xã Pu Sam Cáp; xã Nậm Mạ; xã Mường Tè; xã Tà Tổng; xã Thu Lũm; xã Pa Tần. Trong đó: tuyến ĐT.126 sạt lở 40.000m³; tuyến ĐT.127 sạt lở 42.000m³; tuyến ĐT.128 sạt lở 4.500m³; tuyến ĐT.129 sạt lở 5.500m³; tuyến ĐT.130 sạt lở 22.000m³; tuyến ĐT.131 sạt lở 5.000m³; tuyến ĐT.132 sạt lở 65.000m³; tuyến ĐT.132B sạt lở 45.000m³; tuyến ĐT.132C sạt lở 85.000m³; tuyến ĐT.133 sạt lở 15.000 m³; tuyến ĐT.133B sạt lở 30.000m³; tuyến ĐT.134 sạt lở 15.000m³; tuyến ĐT.135 sạt lở 60.000m³; tuyến ĐT.136 sạt lở 6.000m³; tuyến ĐT.137 sạt lở 22.000m³; tuyến ĐT.138 sạt lở 50.000m³; tuyến ĐT.138B sạt lở 150.000m³; tuyến ĐT.138C sạt lở 65.000m³.

- Mức độ hư hỏng: Sạt lở taluy dương, taluy âm, lún sụt nền, mặt đường, hư hỏng công trình thoát nước, mố cầu, ...

- Nguy cơ thiệt hại có thể xảy ra: Có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản của nhân dân và hư hỏng công trình.

- Biện pháp khắc phục tạm: Ngay sau khi thiên tai xảy ra, Sở Xây dựng báo cáo Văn phòng Ban chỉ huy tỉnh để tổ chức kiểm tra, xác nhận khối lượng, áp dụng biện pháp khắc phục tạm; đồng thời, Sở Xây dựng chỉ đạo các nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với Sở Xây dựng tổ chức cảnh báo, căng dây cảnh báo để đảm bảo an toàn cho người dân, hốt sạt sạt tạm để thông tuyến, đề xuất các giải pháp để ổn định lâu dài cho công trình.

- Phương án huy động máy móc, thiết bị để khắc phục:

+ Các tuyến Quốc lộ: Tuyến QL.4D, QL.32, QL.279, QL.279D: huy động 05 máy xúc; 05 ô tô tải loại 10 tấn của Công ty cổ phần 3 Lai Châu. Tuyến QL.4H, QL.12: huy động 5 máy xúc, 5 ô tô tải ≥ 10 tấn và một số loại máy khác của Công ty cổ phần bảo trì đường bộ I Lai Châu.

+ Các tuyến đường địa phương:

Tuyến ĐT.132, ĐT.132B: huy động 03 máy xúc; 03 ô tô tải 10 tấn của Công ty cổ phần 3 Lai Châu; Tuyến ĐT.134, ĐT.135: huy động 02 máy xúc; 02 ô tô tải của Công ty TNHH số 10 Lai Châu; Tuyến ĐT.138, ĐT.138B, ĐT.138C, ĐT.126: huy động 04 máy xúc; 08 ô tô vận chuyển 10 tấn của Công ty cổ phần Tân Phong; Tuyến ĐT.127, ĐT.129B, ĐT.132C, ĐT.130, ĐT.131: huy động 06 máy xúc; 06 ô tô vận chuyển 10 tấn của Công ty CP bảo trì đường bộ I Lai Châu; Tuyến ĐT.133, ĐT.137, ĐT.128, ĐT.128B: huy động 06 máy xúc; 04 ô tô tải 10 tấn của Công ty cổ phần xây dựng công trình 389; tuyến ĐT.133B, ĐT.136: huy động 04 máy xúc; 04 ô tô tải 10 tấn của Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đông Phát.

- Về máy móc thi công: Các đơn vị quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ; các nhà thầu đang thi công xây dựng các công trình giao thông trên các tuyến đường do Sở Xây dựng quản lý chủ động chuẩn bị, bố trí máy móc, thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ gồm: ô tô các loại, máy xúc, máy ủi, máy đào, máy cắt cây, thiết bị phá đá và các thiết bị chuyên dùng khác. Máy móc, thiết bị được ưu tiên bố trí tại các tuyến đường, vị trí trọng yếu, khu vực thường xuyên xảy ra sạt lở, ngập úng, chia cắt giao thông để bảo đảm khả năng huy động, triển khai xử lý sự cố kịp thời khi thiên tai xảy ra.

- Về vật tư dự phòng: Các đơn vị quản lý, bảo dưỡng thường xuyên và các đơn vị liên quan chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng phục vụ công tác phòng ngừa,

ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, gồm: rọ thép, cọc tiêu, rào chắn, biển báo, biển chỉ dẫn, vật tư bảo đảm an toàn giao thông và các vật tư cần thiết khác. Đối với rọ thép dự phòng do Cục Đường bộ Việt Nam cấp, Sở Xây dựng giao các đơn vị quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tổ chức kiểm tra, rà soát số lượng rọ thép đã được cấp và còn tồn kho; số lượng rọ thép còn dư tính đến 31/12/2025: 1.677 rọ, trong đó 1.096 rọ 2x1x1, 581 rọ 2x1x0,5 để dự phòng được cấp sẵn sàng trong kho, khi cần thiết sử dụng phải có ngay.

- Phương án đổ thải: Sở Xây dựng đã làm việc với Ủy ban nhân dân các xã đề nghị nhân dân bố trí đất để thực hiện đổ thải. Trường hợp sau đổ thải mà không thể khắc phục được tài sản, hoa màu của nhân dân thì tiến hành đền bù theo quy định.

(Chi tiết phương án đổ thải tại Phụ lục 02).

e) Sở Giáo dục và Đào tạo

- Địa điểm có nguy cơ xảy ra sụt lún, sạt lở đất: Trường THPT Mường Kim; THPT Nậm Tăm; Trường PTDTNT THPT Phong Thổ; Trường Phổ thông DTNT THPT tỉnh Lai Châu; Trường THPT Mường Tè. Tổng cộng: khối lượng đất, đá sạt lở khoảng 1.000m³-2.000m³.

- Nguy cơ thiệt hại có thể xảy ra: có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, tài sản của giáo viên và học sinh; hư hỏng công trình, phòng học, trang thiết bị dạy học.

- Nội dung phương án ứng phó khi xảy ra thiên tai:

+ Thông báo, tuyên truyền, cảnh báo người dân, giáo viên, học sinh các điểm có nguy cơ xảy ra sạt lở; khi có hiện tượng sạt lở cần kêu gọi di chuyển ngay đến nơi an toàn.

+ Địa điểm sơ tán: Di chuyển, sơ tán học sinh, giáo viên ra khỏi khu vực sạt lở; tổ chức liên kết, mượn các trường/điểm trường cấp 1, 2 thuộc quản lý của cấp xã hoặc chia ca tổ chức dạy tại các khu vực, phòng học còn an toàn, không bị ảnh hưởng để đảm bảo thời gian dạy và học của giáo viên và học sinh.

+ Phương án huy động lực lượng: Nhà trường phối hợp với chính quyền xã tổ chức ứng phó với thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Tổng số người được huy động: 20 người/điểm sạt (Giáo viên, nhân viên trong nhà trường).

+ Phương án huy động phương tiện, trang thiết bị: Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường bố trí huy động phương tiện để tham gia cứu nạn, hút sạt sạt đảm bảo tính linh động, linh hoạt, kịp thời.

g) Công ty TNHH MTV Quản lý thủy nông Lai Châu

Do toàn bộ các tuyến kênh chạy men theo triền đồi núi, đầu mỗi thu nước trực tiếp từ lòng suối thường xuyên xảy ra mưa lũ nên hầu hết các công trình thủy lợi đều có nguy cơ sạt lở, bồi lấp. Nguy cơ cao xảy ra thiệt hại nặng nhất tại 45 công trình. Trong đó:

- (1) Công trình Nậm Lung, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương, sập gẫy và vỡ thành 15m kênh, sạt lở và bồi lấp khoảng 240m³;
- (2) Công trình Phai Ngoa, tại tuyến kênh chính: sạt taluy âm gẫy 25m kênh, tắc 1 sạt lở và bồi lấp khoảng 82 m³; tắc ống HDPE;
- (3) Công trình Nậm Mở, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương, sập gẫy 52m kênh; lũ quét, sạt lở bồi lấp khoảng 1.406 m³;
- (4) Công trình Nà Ban, tại tuyến kênh chính: Sạt taluy âm, sập gẫy 80m kênh; bồi lấp 230m³;
- (5) Công trình Nậm Mít, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương, sập gẫy và vỡ thành 65m kênh, sạt lở và bồi lấp khoảng 974 m³;
- (6) Công trình Nà Phát Sang Ngà, tại tuyến kênh chính: sạt taluy âm nguy cơ sạt đứt 90m kênh, bồi lấp từ suối và mái taluy khoảng 235 m³;
- (7) Công trình Phai Ta, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương, sập gẫy và vỡ thành 105m kênh, sạt lở và bồi lấp khoảng 659 m³;
- (8) Công trình C23, tại tuyến kênh chính: lũ quét làm trôi vỡ kênh 50m; bồi lấp từ suối và mái taluy khoảng 192m³;
- (9) Công trình Mít Đạo, tại cửa thu nước tuyến kênh chính: lũ quét cuốn trôi cửa thu nước; bồi lấp từ suối và mái taluy khoảng 320m³;
- (10) Công trình Bó Lun - Cóc Nhũng, tại tuyến kênh chính: Sạt tuy âm, sập gẫy 50m kênh, ống HDPE; bồi lấp 480m³;
- (11) Công trình Cóc Nhũng, tại tuyến kênh chính: Sạt taluy dương, đứt gẫy cầu treo đỡ ống HDPE; bồi lấp 90m³;
- (12) Công trình Nậm Tàng - Nà Sặng, tại tuyến kênh chính: Sạt taluy dương, sập gẫy 160m kênh; bồi lấp 420m³;
- (13) Công trình Cóc Phung, tại tuyến kênh chính: Sạt taluy âm, sập gẫy 50m kênh; bồi lấp 380m³;
- (14) Công trình Nà Ly, tại tuyến kênh chính: bồi lấp hai tuyến kênh sau đập đầu mỗi khoảng 234 m³;
- (15) Công trình Bình Lư - Nà Tăm, tại tuyến kênh chính: Sạt taluy dương, sập gẫy 120m kênh; bồi lấp từ mái taluy dương 720 m³;
- (16) Công trình Nà Hum, tại tuyến kênh chính: Sạt taluy dương, sập gẫy 35m kênh; bồi lấp từ mái taluy dương 230 m³;

(17) Công trình Nà Đa Phìn, tại tuyến kênh chính: Sỏi đá từ suối trôi vào gây bồi lấp 180m³;

(18) Công trình Chu Va 6, tại tuyến kênh chính: Đất, đá từ suối và mái taluy dương trôi vào gây bồi lấp 210m³;

(19) Công trình Chu Va 12.2, tại tuyến kênh chính: Sạt taluy dương, sập gẫy 60m kênh; Đất, đá từ suối và mái taluy dương trôi vào gây bồi lấp 620m³;

(20) Công trình Thèn Pả, tại tuyến kênh chính: Sạt taluy dương, sập gẫy 30m kênh; Sỏi đá từ suối trôi vào gây bồi lấp 190m³;

(21) Công trình Lùng Trù Hồ Pên, tại tuyến kênh chính: Sạt taluy dương, sập gẫy 50m kênh, ống HDPE; Bồi lấp 420m³;

(22) Cụm công trình Tả Lèng, tại tuyến kênh chính: Sạt taluy dương, sập gẫy 80m kênh; Bồi lấp 380m³;

(23) Công trình Pa Chu Lin, tại tuyến kênh chính: Sạt taluy dương, âm sập gẫy 60m kênh; Bồi lấp 360m³;

(24) Công trình Dao Chản, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương, sập gẫy và vỡ thành 36m kênh, 20m ống thép D500, sạt lở và bồi lấp khoảng 406 m³;

(25) Công trình Kênh Thủy Điện, tại tuyến kênh chính và đầu mối: mưa lũ cuốn trôi 32m tường rọ đá dăng nước trên suối, bồi lấp cửa thu nước và tuyến kênh khoảng 476 m³;

(26) Công trình Đon Kang, tại tuyến kênh chính và đầu mối: mưa lũ cuốn trôi 24m tường rọ đá dăng nước trên suối, bồi lấp cửa thu nước và tuyến kênh khoảng 114 m³;

(27) Công trình Hua Ná, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương & taluy âm, sập gẫy 15m kênh, sạt lở và bồi lấp khoảng 151 m³;

(28) Công trình Pè Cơ, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương, sập gẫy và vỡ thành 35m kênh, sạt lở và bồi lấp khoảng 162 m³;

(29) Công trình Pa Khóa, tại tuyến kênh chính: sạt taluy âm làm sạt đứt bở cuối tuyến, sạt lở và bồi lấp khoảng 89 m³;

(30) Công trình Nậm Múng Pa Khóa, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương, sạt lở và bồi lấp khoảng 317 m³;

(31) Công trình Cuối Tở, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương bồi lấp chôn vùi kênh 160m, sạt lở và bồi lấp khoảng 102 m³;

(32) Công trình Cuối Nưa, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương, dòng chảy bùn đất từ khe bồi lấp khoảng 249 m³;

(33) Công trình Nậm Cóong, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương và taluy âm làm sạt đứt 36m cầu máng, 12m ống PVC D400, dòng chảy bùn đất từ khe bồi lấp khoảng 39 m³;

(34) Hồ chứa nước Hoàng Hồ, Xà Dề Phìn và Pa Khóa: Tại mái hạ lưu đập có nguy cơ sạt xệ một số vị trí do thấm mái đập đã bão hòa nước, khối lượng đắp áp trúc khoảng 100m³;

(35) Công trình Nậm Manh, tại tuyến kênh chính: sạt taluy âm gây lún vồng 188m tuyến ống HDPE D355, sạt lở và bồi lấp khoảng 118 m³;

(36) Công trình Nậm Cây 1, 2, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương, sập gãy và vỡ thành 18m kênh, sạt lở và bồi lấp khoảng 291 m³;

(37) Công trình Nậm Dòn, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương & taluy âm, lún sập vỡ 40m kênh, sạt lở và bồi lấp khoảng 344 m³;

(38) Công trình Nậm Hàng, tại tuyến kênh chính: sạt taluy âm gây lún gãy 19m cầu máng, sạt lở và bồi lấp khoảng 52 m³;

(39) Công trình Phiêng Co Teo, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương và taluy âm làm sập gãy 54m kênh, sạt lở và bồi lấp khoảng 43 m³;

(40) Công trình Nậm Lăn, tại tuyến kênh chính và đầu mối: Mưa lũ gây sạt vỡ bề lầy cát, trôi đứt LCR, sạt lở và bồi lấp khoảng 499 m³;

(41) Công trình Mé Gióng, tại tuyến kênh chính: sạt taluy âm, sập gãy 30m ống PVC D400, sạt lở và bồi lấp khoảng 110 m³;

(42) Công trình Ka Lãng, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương & taluy âm, sập gãy 30m kênh, sạt lở và bồi lấp khoảng 87 m³;

(43) Công trình Nậm Ma Nội, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương & taluy âm, lún sập vỡ 12m kênh, sạt lở và bồi lấp khoảng 512 m³;

(44) Công trình Cầu Máng, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương & taluy âm làm đứt gãy 42m kênh, sạt lở và bồi lấp khoảng 108 m³;

(45) Công trình Mò Phi, tại tuyến kênh chính: sạt taluy dương & taluy âm làm sạt vỡ 37m thành kênh, sạt lở và bồi lấp khoảng 229 m³;

- Phương án khắc phục tạm: Ngay sau khi thiên tai xảy ra, Công ty báo với Văn phòng Ban chỉ huy tỉnh để tổ chức kiểm tra, xác nhận khối lượng, áp dụng biện pháp khắc phục tạm như đào hút sạt, dẫn dòng dẫn nước tạm, lắp đặt ống dẫn nước dự phòng hiện có hoặc trải bạt, máng tôn. Số lượng huy động từ lực lượng tại chỗ khoảng 10-30 người/công trình (gồm cán bộ công ty, người dân ở các xã, bản).

- Phương án khắc phục lâu dài: Sau khi kết thúc mưa lũ thực hiện khảo sát, đề xuất các giải pháp xử lý để khắc phục triệt để các thiệt hại do thiên tai.

3. Đối với động đất

- Khi có động đất xảy ra, Ủy ban nhân dân cấp xã huy động các lực lượng, vật tư, trang thiết bị, thực hiện theo phương án ứng phó với thiên tai năm 2026 do Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của

cấp xã thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hỗ trợ.

- Phương án huy động phương tiện, trang thiết bị: huy động từ 8 đến 10 máy xúc, máy ủi; 10 đến 15 xe tải, xe cứu thương các loại để tham gia ứng cứu. Huy động từ các doanh nghiệp xây dựng, tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã xảy ra động đất (thời gian di chuyển đến hiện trường trong khoảng từ 15 - 60 phút, Ủy ban nhân dân các xã đã ký hợp đồng nguyên tắc với các chủ phương tiện) hoặc huy động từ các xã lân cận nhằm đảm bảo tính linh động, linh hoạt, kịp thời. Các lực lượng Công an, Quân sự chuẩn bị sẵn sàng trang thiết bị để cứu hộ, tìm kiếm cứu nạn (gồm: Cưa máy, cưa tay, máy đục, búa, máy cắt sắt, bình cứu hỏa, ...). Trường hợp lực lượng của xã, phường không đủ để ứng cứu, Trưởng ban/Phó Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh huy động thêm Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, nhân viên y tế đến hỗ trợ cho xã, phường. Căn cứ tình hình thực tế, các lực lượng phối hợp với chính quyền địa phương chia thành các tổ, nhóm, đội tham gia ứng phó, tìm kiếm cứu nạn.

- Vật tư, nhu yếu phẩm: Nguồn dự trữ tại địa phương và các cửa hàng tạp hóa trên địa bàn xã, phường.

- Địa điểm sơ tán: Nhà văn hóa, phòng học được xây dựng kiên cố gần nhất không bị ảnh hưởng bởi động đất.

4. Phương án ứng phó thiên tai đối với sự cố công trình thủy điện, thủy lợi

Đến ngày 15 tháng 4 năm 2026, 100% phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với sự cố về đập, hồ chứa công trình thủy điện, thủy lợi đã được phê duyệt. Các chủ đập, hồ chứa thủy điện có trách nhiệm thực hiện nghiêm phương án ứng phó thiên tai đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều 22 Luật Phòng chống thiên tai năm 2013 và Điều 25 Nghị định 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Nguyên tắc sử dụng nguồn vốn

- Đối với các xã, phường: Ủy ban nhân dân các xã, phường sử dụng ngân sách cấp mình để thực hiện phương án ứng phó với thiên tai được Ủy ban nhân dân các xã, phường phê duyệt; trường hợp ngân sách địa phương đã chi hết nhưng

không đủ đáp ứng cho các nhu cầu khẩn cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ.

- Đối với các đơn vị cấp tỉnh (Sở Xây Dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Công ty TNHH MTV quản lý Thủy nông Lai Châu): Căn cứ phương án ứng phó với thiên tai được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, các đơn vị có trách nhiệm khẩn trương tổ chức khắc phục thiệt hại ở mức tối thiểu, đảm bảo an toàn cho tính mạng, tài sản của Nhân dân và đảm bảo việc đi lại, hoạt động của các công trình. Các đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh (*thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường - cơ quan tham mưu về lĩnh vực phòng, chống thiên tai*) xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định việc xây dựng ổn định lâu dài cho công trình.

PHẦN III.

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh

1.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tham mưu cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn... về công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

- Phối hợp với Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh và các đơn vị liên quan nghiên cứu, bổ sung thiết bị, mạng lưới các trạm đo mưa và trạm đo mực nước, hệ thống biển cảnh báo phục vụ công tác thông tin, cảnh báo kịp thời, chủ động phòng, chống, ứng phó đạt hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra, tổng hợp báo cáo tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra theo quy định tại Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT:BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 về hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra (*cho đến khi có hướng dẫn mới*).

- Tổ chức trực ban phòng chống thiên tai theo quy định.

1.2. Phòng tham mưu Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

- Thực hiện nhiệm vụ là Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh.

- Tham mưu cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh tình hình phương án xây dựng, chỉ đạo thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

2. Các Sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị

2.1. Bộ Chỉ huy Quân sự, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Công an tỉnh

- Xây dựng và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ;

- Hỗ trợ các địa phương, đơn vị trong công tác tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập phòng chống thiên tai, cứu hộ, đặc biệt xây dựng lực lượng tại chỗ, trang bị phương tiện, thiết bị, công cụ, hướng dẫn kỹ năng để ứng phó cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả các tình huống sự cố, thiên tai.

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tổ chức tập kết, quản lý sử dụng các phương tiện, trang thiết bị để tham gia kịp thời, có hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra thiên tai; đặc biệt là tại các khu vực xung yếu. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai theo sự phân công và chỉ đạo của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh.

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai qua đó nâng cao nhận thức, kỹ năng cho người dân chủ động ứng phó, khắc phục khi thiên tai xảy ra.

2.2. Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra, hướng dẫn các chủ đầu tư thi công đúng tiêu chuẩn, chất lượng công trình, tránh mất an toàn khi thiên tai xảy ra. Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung quy hoạch xây dựng đô thị, nông thôn phù hợp với ứng phó sự cố, thiên tai; quy hoạch hệ thống tiêu thoát nước đô thị đảm bảo chống ngập úng, sạt lở đất...

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các công trình nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các tuyến đường trọng yếu trên địa bàn, nhằm đạt điều kiện an toàn cao cho tất cả các đối tượng tham gia giao thông, hạn chế làm gia tăng rủi ro thiên tai, nhất là ngập lụt, sạt lở.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng các tuyến đường bộ, cầu, cống... đặc biệt là các công trình đang xây dựng, kịp thời phát hiện các sự cố hư hỏng để có phương án xử lý kịp thời ngay từ đầu, không để sự cố diễn biến phức tạp thêm.

- Tổ chức triển khai phương án đảm bảo an toàn giao thông trong mùa mưa lũ. Chuẩn bị đầy đủ vật tư dự trữ, phương tiện và lực lượng sẵn sàng khắc phục

sự cố, đảm bảo giao thông luôn thông suốt khi có sự cố, thiên tai. Căn cứ kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, tổ chức triển khai sử dụng kinh phí khắc phục tạm các thiệt hại về giao thông tiết kiệm, hiệu quả

2.3. Sở Y tế: Xây dựng các phương án phòng, chống dịch bệnh trước, trong và sau thiên tai; chuẩn bị đầy đủ lực lượng cán bộ y tế; dự trữ đủ cơ số thuốc; phương tiện vật tư y tế cần thiết đáp ứng nhu cầu cứu thương, phòng ngừa bệnh dịch; hướng dẫn cho cộng đồng dân cư về kỹ thuật cấp cứu thông thường; biện pháp vệ sinh, xử lý môi trường vùng bị thiên tai. Cấp cứu nạn nhân bị thiên tai kịp thời; tham gia ứng phó với thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

2.4. Sở Công Thương:

- Chỉ đạo các chủ hồ, đập thủy điện tổ chức vận hành hồ chứa theo quy trình được duyệt, xây dựng và triển khai thực hiện các phương án bảo vệ an toàn hồ, đập, phương án phòng chống lũ, lụt theo quy định.

- Phối hợp với các địa phương tuyên truyền phát động trong Nhân dân dự trữ lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm cần thiết đủ cho sử dụng và dự phòng trong mùa mưa lũ; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong ngành liên quan có kế hoạch dự trữ và cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho vùng bị thiên tai.

2.5. Sở Giáo dục và Đào tạo: Căn cứ diễn biến thời tiết rét hại, mưa lũ quyết định cho học sinh các cấp trên địa bàn tỉnh nghỉ học nhưng phải đảm bảo công tác dạy và học. Xây dựng phương án ứng phó với thiên tai của ngành giáo dục bảo đảm an toàn cho học sinh và giáo viên; kiểm tra trường lớp trước mùa mưa, lũ để có phương án sửa chữa đảm bảo cho công tác dạy và học. Đảm bảo huy động lực lượng khi xảy ra sự cố, thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

2.6. Sở Tài chính:

- Rà soát, xác định khả năng cân đối ngân sách địa phương, đặc biệt là nguồn dự phòng ngân sách cấp tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh làm cơ sở xem xét, quyết định.

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường, có ý kiến về khả năng cân đối bố trí nguồn kinh phí phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định.

2.7. Sở Khoa học và Công nghệ: Chỉ đạo các đơn vị bưu chính, viễn thông có phương án cụ thể, chi tiết nhằm đảm bảo mạng thông tin phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thông suốt trong mọi tình huống.

2.8. Công ty Điện lực Lai Châu: Tăng cường kiểm tra hệ thống truyền tải, thiết bị điện, trạm biến thế, công trình điện lực; đồng thời xử lý khắc phục nhanh chóng sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng, đảm bảo cung cấp điện ổn định, liên tục và an toàn; có kế hoạch dự phòng máy phát điện để đảm bảo nguồn điện tại các khu vực bị ảnh hưởng của thiên tai.

2.9. Đài Khí tượng thủy văn tỉnh: Theo dõi chặt chẽ, cập nhật, xử lý kịp thời thông tin về diễn biến thời tiết, khí hậu, đặc biệt là các hiện tượng thời tiết cực đoan nguy hiểm. Nâng cao chất lượng dự báo, đặc biệt là việc dự báo sớm các khả năng xuất hiện và diễn biến của các tình huống phức tạp về thời tiết, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho công tác chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh.

2.10. Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh, Báo Lai Châu và các cơ quan thông tin đại chúng: tăng cường công tác truyền tin, phổ biến các thông tin dự báo, cảnh báo tình hình diễn biến thời tiết, thiên tai, các chủ trương, chỉ thị, chỉ đạo về công tác phòng chống thiên tai một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác; phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến cho Nhân dân những kiến thức cơ bản về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

2.11. Các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng: Rà soát tiến độ thực hiện của các dự án, đẩy nhanh tiến độ thi công và có phương án ứng phó kịp thời với tình huống bất lợi khi thiên tai xảy ra, đảm bảo an toàn cho công trình.

2.12. Các Sở, ban, ngành khác: Theo chức năng, nhiệm vụ của ngành mình có trách nhiệm xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai cụ thể để chủ động đối phó với thiên tai và chỉ viện cho các đơn vị khác khi có yêu cầu.

2.13. Đề nghị các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn tỉnh: Vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tích cực tham gia công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Rà soát kế hoạch Phòng chống thiên tai, phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn phù hợp với điều kiện, đặc điểm của địa phương, phê duyệt và thực hiện. Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng theo phương châm “4 tại chỗ” để huy động ứng cứu kịp thời khi xảy ra thiên tai; căn cứ kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung tổ chức triển khai ứng phó, khắc phục tạm thiệt hại do thiên tai gây ra đảm bảo an toàn cho tính mạng, tài sản của Nhân dân, thông tuyến tạm các tuyến đường được giao quản lý, khơi thông, sửa chữa tạm công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt theo đúng quy định.

- Thực hiện lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình.

- Rà soát, kiểm tra các vị trí xung yếu, khu vực có nguy cơ cao xảy ra thiên tai trên địa bàn để đề xuất, triển khai các biện pháp phòng ngừa và ứng phó nhằm đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản cho người dân và Nhà nước.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong phòng, chống, ứng phó thiên tai, cứu hộ, cứu nạn trên địa bàn.

- Tổ chức trực ban nghiêm túc 24/24 giờ để theo dõi, thông báo, cảnh báo và tham mưu kịp thời các biện pháp phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

- Tổ chức thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Phương án này, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường điều chỉnh, bổ sung phương án ứng phó với thiên tai năm 2026 phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường (Cơ quan tham mưu về phòng, chống thiên tai) tổ chức kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức đoàn thể, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện tốt Phương án này./.